

Bản án số: 269/2020/HS-ST
Ngày 20-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH B DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thế.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 227/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 256/2020/QĐXXST-HS ngày 29/6/2020:

1. Nguyễn Hùng L1, sinh năm 1992 tại tỉnh S3; thường trú: Ấp Ph, xã H, huyện M, tỉnh S3; tạm trú: Số 218 khu phố Th, phường D, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1967 và bà Lê Thị Ng, sinh năm 1973; bị cáo có vợ tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1999, có 01 con ruột, sinh năm 2019; có 02 chị em, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2000; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Phạm Thái B, sinh năm 1984 tại tỉnh B; thường trú: Số 12/14, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B D; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm Văn B (đã chết) và mẹ không rõ họ tên; bị cáo có 03 chị ruột, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Đồng Văn Th, sinh năm 1978 tại tỉnh C; thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện Ng, tỉnh C; tạm trú: Số 41/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 02/12; con ông Đồng Văn Th, sinh năm 1946 và Huỳnh Thị S, sinh năm 1953; có 05 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1983; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, có 01 con ruột, sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lý Thành Đ, sinh năm 1985 tại tỉnh S3; thường trú: Ấp Tr, xã V, huyện Tr, tỉnh S3; tạm trú: Số 28/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; nghề nghiệp: Thợ hồ; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Lý D, sinh năm không rõ và bà Lý Thị X, sinh năm không rõ; bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm không rõ, nhỏ nhất sinh năm không rõ; bị cáo có vợ tên Lâm Thị Th, sinh năm 1985; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2004 và nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lâm Thị H1, sinh năm 1991 tại tỉnh S3; thường trú: Ấp Tr, xã V, huyện Tr, tỉnh S3; tạm trú: Số 28/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật; nghề nghiệp: Công nhân; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lâm C, sinh năm 1960 và bà Lý Thị S, sinh năm 1954; có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1995; bị cáo có chồng tên Thạch Đ, sinh năm 1991; có 01 con ruột sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 23/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Kim H2, sinh năm 1973 tại tỉnh S3; thường trú: Số 182/16E, Ch, khóm 5, phường 5, thành phố S3, tỉnh S3; tạm trú: Số 45/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 02/12; con ông Kim L (đã chết) và bà Kim S, sinh năm 1937; bị cáo có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1978; bị cáo có vợ tên Lê Thị Ánh Ng, sinh năm 1973; có 02 con ruột, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Kim Thanh S1, sinh ngày 04/02/2002 tại tỉnh S3; thường trú: Số 182/16E, Ch, khóm 5, phường 5, thành phố S3, tỉnh S3; tạm trú: Số 45/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 7/12; con ông Kim H2, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Ánh Ng, sinh năm 1973; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Thạch S2, sinh năm 1980 tại tỉnh S3; thường trú: Ấp A, xã A, huyện Ch, tỉnh S3; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Phật; nghề nghiệp:

Phụ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Thạch H (đã chết) và bà Lý Thị S (đã chết); có 02 anh em ruột, lớn sinh năm 1978, nhỏ sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 07/03/2020 cho đến nay; có mặt.

9. Đinh Quốc T, sinh năm 1987 tại tỉnh Đ; thường trú: Ấp 3, xã Trà Cồ, huyện Tân phú, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Số 18/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đinh Văn T, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1966; bị cáo có vợ tên Phạm Thị Khánh U, sinh năm 1988 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2009; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 16/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1988 tại tỉnh Kh; thường trú: thôn C, xã V, huyện V, tỉnh Kh; tạm trú: Số 453/2, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn D, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1943; bị cáo có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 190; bị cáo có vợ tên Lý Thị Sà N, sinh năm 1992, có 02 con ruột, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 23/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Huỳnh Thị N, sinh năm 1963 tại tỉnh Cà Mau; thường trú: Ấp Ô, xã V, huyện Ng, tỉnh C; tạm trú: Số 97/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Huỳnh Văn B (đã chết) và bà Võ Thị H (đã chết); có 07 anh chị em ruột; bị cáo có chồng tên Trang Văn Ch (đã ly hôn); có 01 con ruột, sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 17/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

12. Nguyễn Thị B1, sinh năm 1960 tại tỉnh B; tạm trú: Số 31/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Trần Thị V (đã chết); có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1953, nhỏ nhất sinh năm 1976; bị cáo có chồng tên Phan Văn T (đã chết); có 02 con ruột, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 17/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

13. Phan Thị Ch, sinh năm 1961 tại tỉnh B; thường trú: 31/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Phan Văn B (đã chết) và bà Lê Thị M (đã chết); có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh không rõ, nhỏ nhất sinh năm 1966; có 01 con ruột, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 17/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

14. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1982 tại tỉnh B; thường trú: Số 122/15/16/5, Bùi Tư T, phường A, quận B, Thành phố H; tạm trú: Số 97/15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1960; có 03 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1988; bị cáo có chồng tên Trang Văn S, sinh năm 1986; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 08/3/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

15. Dương Thị Thúy L3, sinh năm 1991 tại tỉnh K; thường trú: Số 26/1, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; con ông Dương Tấn Th, sinh năm 1969 và bà Lê Thị O, sinh năm 1969; có 03 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo có chồng tên Trần Mai Đ4, sinh năm 1987; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02/01/2020 bị công an thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh B Dương xử phạt vi phạm hành Ch 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị bắt tạm giam từ ngày 07/03/2020 cho đến nay; có mặt.

16. Phạm Thị Đ3, sinh năm 1955 tại tỉnh B; thường trú: Số 46/1, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 7/12, con ông Phạm Văn Th (đã chết) và bà Trịnh Thị B (đã chết); bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 1958; bị cáo chồng tên Trần Văn Ng (đã chết); có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 1972, nhỏ nhất sinh năm 1979; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02/01/2020 bị công an thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh B Dương xử phạt vi phạm hành Ch 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; Nhân thân: Ngày 20/01/2020 bị Công an thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương khởi tố về tội Đánh bạc đến ngày 09/05/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương xử phạt 06 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2020/HS-ST; bị tạm giam từ ngày 07/03/2020 cho đến nay; có mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Tổ Tr; vắng mặt.
2. Anh Trần Mai Đ4; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 07/03/2020, Nguyễn Hùng L1 và Phạm Thanh B đi đến bãi đất trống phía sau dãy nhà trọ thuộc tổ 15, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B thì nhìn thấy nhiều người. B và L mỗi người hùn 2.000.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức bài cào thắng thua bằng tiền. Lúc này, có 01 thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) đưa 02 bộ bài 52 lá cho L1. L1 chia bài, còn B ngồi kế bên L1 chung tiền khi thắng và khi thua thì có Kim H2, Đinh

Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ vào tham gia chơi, mỗi ván các bị cáo đặt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. L1 và đồng phạm chơi đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì có thêm Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Phạm Thị Đ3, Dương Thị Thúy L3 và 01 thanh niên không rõ lai lịch đi đến tham gia chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền cùng. Quá trình đánh bạc làm cái xoay vòng, ai thắng thì được làm cái chia bài. L1 và đồng phạm đánh đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an phường Đông Hòa đến bắt quả tang Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Phạm Thị Đ3, Dương Thị Thúy L3 còn 01 thanh niên không rõ lai lịch chạy trốn thoát.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 (hai) bộ bài tây 52 lá, tiền tang 450.000 đồng, thu giữ tiền trong người các bị cáo 14.050.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Hùng L1 mang theo 2.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để hùn với B làm cái. Quá trình đánh bạc, L1 đưa tiền cho B cầm để tính ăn thua nên Công an đến bắt quả tang không thu giữ tiền của L1.

Phạm Thái B mang theo số tiền 2.000.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để hùn với L1 làm cái (B là người cầm tiền tổng cộng 4.000.000 đồng). Quá trình đánh bạc thắng 500.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người B số tiền 4.500.000 đồng.

Kim H2 mang theo số tiền 1.200.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc thắng 300.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ tiền trong người số tiền 1.500.000 đồng.

Thạch S2 mang theo số tiền 1.100.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Sol thua 100.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người Sol số tiền 1.000.000 đồng.

Đinh Quốc T mang theo 300.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Tuần hòa vốn. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người số tiền 300.000 đồng.

Phan Thị Ch mang theo 1.200.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Ch thua 200.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người Ch 1.000.000 đồng.

Nguyễn Thị L2 mang theo 1.500.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Lót thua 300.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người Lót số tiền 1.200.000 đồng.

Phạm Thị Đ3 mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Đ3 thắng 200.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người Đ3 1.200.000 đồng.

Lâm Thị H1 mang theo 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc H1 thắng 100.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người H1 số tiền 1.100.000 đồng.

Nguyễn Thị B1 mang theo 700.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Bông thắng 100.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người Bông số tiền 800.000 đồng.

Dương Thị Thúy L3 mang theo 500.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc L3 thua 300.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người L3 số tiền 200.000 đồng.

Nguyễn Văn Đ2 mang theo 300.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Đẳng hòa vốn. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người Đẳng 300.000 đồng.

Huỳnh Thị N mang theo 350.000 đồng, sử dụng 350.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc N thắng 50.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người N số tiền 400.000 đồng.

Kim Thanh S1 mang theo 200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc S thua 200.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang không thu giữ gì.

Đồng Văn Th mang theo 200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Th hòa vốn. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người số tiền 200.000 đồng.

Lý Thành Đ mang theo 200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng đánh bạc. Quá trình đánh bạc Đ thắng 150.000 đồng. Khi Công an đến bắt quả tang thu giữ trong người số tiền 350.000 đồng

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bài là 13.900.000 đồng.

Đối với số tiền 500.000 đồng của bị cáo Thạch S2, không dùng để đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho bị cáo S2.

Đối với 01 thanh niên tham gia đánh bạc và 01 thanh niên đi mua bài cho L1. Hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại cáo trạng số 262/CT – VKS - DA ngày 28 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Phạm Thị Đ3, Dương Thị Thúy L3 về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng L1 và Nguyễn Thái B, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 10 tháng tù; xử phạt bị cáo Kim Huone từ 07 đến 08 tháng tù; xử phạt bị cáo Đinh Quốc T, Kim Thanh S1, Thạch S2, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Lâm Thị H1 và Nguyễn Thị L2 mỗi bị cáo từ 06 đến 07 tháng tù; xử phạt bị cáo Dương Thị Thúy L3 từ 07 đến 08 tháng tù và xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ3 từ 08 đến 09 tháng tù.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự .

- Xử phạt Nguyễn Thị B1, Huỳnh Thị N, mỗi bị cáo từ 06 đến 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 14 tháng.

- Xử phạt Phạm Thị Ch từ 07 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 đến 16 tháng.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 13.900.000 đồng và tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tây 52 lá.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Phạm Thị Đ3, Dương Thị Thúy L3 không tranh luận, đối đáp gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; người làm chứng; biên bản biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 19 giờ ngày 07/03/2020, tại bãi đất trống phía sau dãy nhà trọ thuộc tổ 15, khu phố T, phường đ, thành phố D, tỉnh B . Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Phạm Thị Đ3 và Dương Thị Thúy L3 đánh bạc bằng hình thức bài cào thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 13.900.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào thắng thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 13.900.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 262/CT-VKS-DA ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[5] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò đều là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc. Bị cáo L1 và B là người cầm cái, các bị cáo còn lại là người trực tiếp tham gia đánh bạc.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Thái B có cha là ông Phạm Văn B được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3, Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Phạm Thị Đ3 có nhân thân xấu trong quá trình tiến hành tố tụng bị cáo tại ngoại lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc và bị cáo Dương Thị Thúy L3 đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc chưa được xóa, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo. Đối với các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1 có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ và không biết chữ. Bị cáo Kim H2, Thạch Kim S1, Thạch S2 là người dân tộc thiểu số. Các bị cáo Nguyễn Thị B1, Phạm Thị Đ3 là người trên 60 tuổi.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt Ch:

+ Xét các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Thạch S2, Kim H2, Đinh Quốc T, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn

Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1 phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú và làm việc rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt và người lao động, hơn nữa trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, đối với bị cáo Sol thời gian tạm giam cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú đồng thời các bị cáo là người lao động có thu nhập thấp, nên không áp dụng quy định khấu trừ một phần thu nhập khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nên cần hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73 /2020/HSST-LCĐKNCT ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương và các Quyết định bảo lãnh số: 28, 29, 30, 31, 32, 33/2020/HSST-QĐBL ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ Xét các bị cáo Dương Thị Thúy L3, Phạm Thị Đ3 phạm tội ít nghiêm trọng nhưng gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội đồng thời các bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện bị cáo L3 đã bị xử phạt hành vi về hành vi đánh bạc chưa được xóa tiền sự, bị cáo Đ3 là người có tiền sự về hành vi Đánh bạc và trong quá trình tố tụng bị cáo tại ngoại lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo đồng thời hiện nay trên địa bàn thành phố Dĩ An tệ nạn cờ bạc diễn ra hết sức tinh vi, phức tạp. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền của các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1 gây mất trật tự tại địa phương đồng thời để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Còn đối với bị cáo Dương Thị Thúy L3, Phạm Thị Đ3 áp dụng hình phạt tù và bị cáo Thạch S2 thời gian tạm giam cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo L3, Đ3 và Sol.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Xét số tiền 13.900.000 đồng, là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước

- Xét 02 (hai) bộ bài tây 52 lá là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với số tiền 500.000 đồng của bị cáo Thạch S2, không dùng để đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho bị cáo S2 và đối với 01 thanh niên tham gia đánh bạc và 01 thanh niên đi mua bài cho L1, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Mức hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị Đ3 và Dương Thị Thúy L3 là phù hợp. Còn mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, xét vai trò, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Dương Thị Thúy L3 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thị B1, Phạm Thị Đ3 là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Dương Thị Thúy L3 và Phạm Thị Đ3 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ3 08 (tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2020/HS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) bản án là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2020.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Thúy L3 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2020.

1.3 Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Thạch S2 01 (một) năm 01 (một) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 20/7/2020 là 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày; tương đương 01 (một) năm 01 (một) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ (bị cáo đã chấp hành xong).

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Thạch S2 ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo S2 không bị tạm giữ, bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hùng L1 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thái B 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/3/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thái B 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Kim H2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 14/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 08 (tám) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Kim H2 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Đinh Quốc T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 16/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh

B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Đinh Quốc T 10.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Kim Thanh S1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Kim Thanh S1 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Đồng Văn Th 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Đồng Văn Th 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 23/3/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 10 (mười) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Đ2 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Lý Thành Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 10/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lý Thành Đ 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 17/3/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 10 (mười) tháng 27 (hai bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được

tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh B
Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị B1 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị Ch 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được
khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 17/3/2020. Bị cáo còn
phải tiếp tục chấp hành 10 (mười) tháng 27 (hai mươi) ngày cải tạo không giam
giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An,
tỉnh B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể
từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị Ch 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được
khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 17/3/2020. Bị cáo còn
phải tiếp tục chấp hành 10 (mười) tháng 27 (hai bảy) ngày cải tạo không giam
giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An,
tỉnh B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể
từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Thị N 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ,
được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 07/3/2020 đến ngày 08/3/2020. Bị cáo
còn phải tiếp tục chấp hành 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo
không giam giữ. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành
phố Dĩ An, tỉnh B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ
được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh
Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị L2 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Lâm Thị H1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được
khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/3/2020 đến ngày 23/3/2020. Bị cáo còn
phải tiếp tục chấp hành 10 (mười) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ.
Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh
B Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ
ngày Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lâm Thị H1 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều
100 Luật Thi hành án Hình sự.

Hủy các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73
/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành
phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với Phạm Thái B, Đồng Văn Th, Lý Thành Đ,
Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị B1, Phan Thị Ch, Nguyễn Thị L2 và các Quyết định

bảo lĩnh số: 28, 29, 30, 31, 32, 33/2020/HSST-QĐBL ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với Nguyễn Hùng L1, Lâm Thị H1, Kim H2, Kim Thanh S1, Đinh Quốc T, Nguyễn Văn Đ2.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tây 52 lá.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 13.900.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 01547 ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/5/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Hùng L1, Phạm Thái B, Kim H2, Đinh Quốc T, Thạch S2, Kim Thanh S1, Đồng Văn Th, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thành Đ, Phan Thị Ch, Huỳnh Thị N, Nguyễn Thị L2, Lâm Thị H1, Dương Thị Thúy L3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo Nguyễn Thị B1 và Phạm Thị Đ3 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (03);
- Chi cục THA thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (11);
- Sở tư pháp tỉnh B Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh B Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh B Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công

